

BẢN SẠO

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BÌM SƠN
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

LƯU IFC

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9-26



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Bim Sơn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Văn Tiến	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Thanh Hoàng	Thành viên
Ông Lương Bà Bảy	Thành viên
Ông Lê Đình Dũng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trịnh Văn Tiến	Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hoàng	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

CHỨNG THỰC
BẢN SAO DÙNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 02-01-2019

Số 190 Quyển 01 SCT/NT



Trịnh Văn Tiến
Giám đốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2018



HỮU TỊCH
HÀC HINH NHẬT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Bim Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô Thị Bim Sơn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2018, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán từ chối của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Tại thời điểm lập báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được các biên bản xác nhận công nợ phải thu, phải trả của đơn vị. Các thủ tục kiểm toán thay thế của chúng tôi cũng không cung cấp đủ căn cứ để đánh giá tính hiện hữu và giá trị của các khoản mục công nợ phải thu, phải trả trên báo cáo tài chính của Công ty.

- Chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính 2017 Công ty chưa kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh là: 2.258.950.623 đồng, của các năm trước đây là: 1.032.520.638 đồng (trình bày ở thuyết minh số V.4 phần thuyết minh báo cáo tài chính).

- Công ty không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với các khoản công nợ phải thu khó có khả năng thu hồi với số tiền là: 2.245.373.210 đồng. Theo đó các chỉ tiêu "dự phòng nợ phải thu khó đòi" và chỉ tiêu chi phí quản lý doanh nghiệp" trên báo cáo tài chính của công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bị ghi thiếu với số tiền tương ứng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

- Trong năm tài chính 2017, Công ty điều chỉnh tăng doanh thu: 406.770.909 đồng, tăng nợ phải thu: 447.448.000 đồng, tăng giá vốn: 133.368.126 đồng, tăng nguyên giá tài sản cố định: 23.903.000 đồng, giảm chi phí quản lý doanh nghiệp: 23.903.000 đồng, tăng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp: 52.353.373 đồng, tăng thuế GTGT phải nộp: 39.746.179 đồng, giảm thuế GTGT còn được khấu trừ: 5.344.723 đồng theo Biên bản kiểm tra thuế năm 2016 của Cục Thuế Thanh Hóa ngày 23 tháng 06 năm 2017. Công ty không thực hiện việc điều chỉnh hồi tố trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Việc điều chỉnh như vậy làm chỉ tiêu "Lợi nhuận kế toán trước thuế" năm 2017 bị ghi nhận tăng lên 297.305.783 đồng, đồng thời ảnh hưởng đến số liệu so sánh của các chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Bim Sơn tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Văn Quân
Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2034-2018-072-1

Thay mặt và đại diện cho

**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và
Tư vấn Tài chính Quốc tế tại Thanh Hóa**
Thanh Hóa, ngày 01 tháng 04 năm 2018

CHUNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 02-01-2019

Số... 141... Quyển... 01... SCT/NT

Lê Trọng Thanh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2373-2018-072-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12.103.526.547	5.841.366.649
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	673.221.354	1.277.083.819
1. Tiền	111		673.221.354	1.277.083.819
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.134.238.356	3.268.895.962
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	5.135.819.130	658.959.382
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.256.980.000	1.256.980.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		1.041.090.842	623.908.196
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	700.348.384	729.048.384
III. Hàng tồn kho	140		3.292.206.261	1.170.905.950
1. Hàng tồn kho	141	V.4	3.292.206.261	1.170.905.950
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.860.576	124.480.918
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	124.480.918
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9a	3.860.576	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.932.689.698	7.435.427.641
I. Tài sản cố định	220		4.079.383.287	4.674.019.423
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	4.079.383.287	4.674.019.423
- Nguyên giá	222		8.594.095.921	8.570.192.921
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.514.712.634)	(3.896.173.498)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.526.950.466	2.526.950.466
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	2.526.950.466	2.526.950.466
III. Tài sản dài hạn khác	260		326.355.945	234.457.752
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5	326.355.945	234.457.752
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		19.036.216.245	13.276.794.290

BẢN SAO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		10.284.936.192	4.505.955.649
I. Nợ ngắn hạn	310		9.023.586.192	2.681.205.649
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	1.751.319.139	1.125.752.893
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.124.000	192.659.405
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9b	910.126.613	259.072.813
4. Phải trả người lao động	314		979.179.740	387.996.637
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	1.662.160.439	61.120.897
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11a	3.574.809.631	563.400.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		138.866.630	91.203.004
II. Nợ dài hạn	330		1.261.350.000	1.824.750.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11b	1.261.350.000	1.824.750.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		8.751.280.053	8.770.838.641
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	8.751.280.053	8.770.838.641
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		7.205.000.000	7.205.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		7.205.000.000	7.205.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		275.000.000	275.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		37.102.390	37.102.390
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		702.742.625	647.742.625
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		531.435.038	605.993.626
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			605.993.626
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		531.435.038	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		19.036.216.245	13.276.794.290

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 02/01/2018
Số: 193... Quyển: 02... SCT/NT

Tổng Thị Thúy
Người lập biểu
Ngày 31 tháng 03 năm 2018

Mai Thị Hồng
Kế toán trưởng



Trịnh Văn Tiến
Giám đốc

CHỦ TỊCH

BẢN SAO

BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

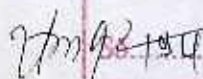
Đơn vị: VND

CHI TIẾT	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	24.818.566.797	18.190.166.671
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		24.818.566.797	18.190.166.671
3. Giá vốn hàng bán	11	VL2	21.830.038.650	16.428.814.255
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.988.528.147	1.761.352.416
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	3.170.476	12.467.533
6. Chi phí tài chính	22	VL4	278.466.505	41.911.042
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		278.466.505	41.911.042
7. Chi phí bán hàng	25		-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL7	1.988.248.313	1.079.815.649
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		724.983.805	652.093.258
10. Thu nhập khác	31	VL5	-	168.686.818
11. Chi phí khác	32	VL6	13.792.186	120.720.809
12. Lợi nhuận khác	40		(13.792.186)	47.966.009
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		711.191.619	700.059.267
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VL8	96.893.316	94.065.641
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		614.298.303	605.993.626
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL9	584	576
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		584	576

Ngày: 02-01-2018



Tổng Thị Thủy
Người lập biểu
Ngày 31 tháng 03 năm 2018



Mai Thị Hồng
Kế toán trưởng

Quyển 02



Trịnh Văn Tiến
Giám đốc



PHẠM CHỦ TỊCH

PHẠM CHỦ TỊCH

BẢN SAO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	22.022.244.550	20.002.755.315
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(10.573.256.673)	(4.056.013.796)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(7.202.858.360)	(5.065.091.806)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(276.120.646)	(41.911.042)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(168.224.389)	(55.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.240.234.276	924.645.994
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(8.097.061.330)	(12.675.762.861)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.055.042.572)	(966.378.196)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(216.712.174)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(1.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	1.500.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.170.476	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.170.476	(216.712.174)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	3.938.925.318	2.433.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.490.915.687)	(44.850.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.448.009.631	2.388.150.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(603.862.465)	1.205.059.630
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.277.083.819	72.024.189
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	673.221.354	1.277.083.819

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 02-01-2019
Số: 195/Quyển: 02



Tong Thi Thuy
Người lập biểu
Ngày 31 tháng 03 năm 2018



Mai Thi Hong
Kế toán trưởng

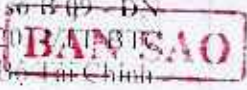


Trịnh Văn Tiến
Giám đốc



CHỦ TỊCH

BÀ THỊ NINH NHẬT



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô Thị Bim Sơn được thành lập theo giấy chứng đăng ký kinh doanh số 2603000387 ngày 17 tháng 03 năm 2006 do Sở kế hoạch dân tư tỉnh Thanh Hóa cấp, thay đổi lần thứ 4 ngày 14 tháng 07 năm 2016. Theo đó số vốn điều lệ của Công ty là 7.205.000.000 đồng tương ứng với 720.500 cổ phần phổ thông, mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 145 người.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; san lấp mặt bằng, duy tu bảo dưỡng các công trình giao thông.
- Nạo vét cống rãnh và thoát nước đô thị; thu gom rác thải; ương cây giống và duy trì cây xanh đô thị;
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm vật liệu xây dựng và cấu kiện đúc sẵn.
- Quản lý đô thị; lắp đặt điện nước.
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, nước giải khát, khách sạn, du lịch.
- Sản xuất kinh doanh phân bón; kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa.
- Khai thác khoáng sản: Phụ gia xi măng, đá, đất.
- Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách đường bộ
- Cho thuê nhà, kho bãi, kiốt

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Trên máy vi tính

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Năm 2017
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05-50
Máy móc và thiết bị	03-20
Phương tiện vận tải	05-15

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa lớn TSCĐ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc, đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty có hai hoạt động chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% đối hoạt động công ích và 20% đối với hoạt động thông thường.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	109.602.125	6.638.324
Tiền gửi ngân hàng	563.619.229	1.270.445.495
Cộng	673.221.354	1.277.083.819

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần xây lắp bưu điện	107.584.000	107.584.000
Công ty Xây dựng và thương mại Minh Hưng	312.773.210	312.773.210
Ủy ban nhân dân thị xã Bình Sơn	4.392.395.148	
Các đối tượng khác	323.066.772	238.602.172
Cộng	5.135.819.130	658.959.382

3. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tạm ứng	189.868.842	227.268.842
Phải thu khác	510.479.542	501.779.542
Cộng	700.348.384	729.048.384

4. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	735.000	-	735.000	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.291.471.261	-	1.170.170.950	-
Cộng	3.292.206.261	-	1.170.905.950	-

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí chờ phân bổ	326.355.945	234.457.752
Cộng	326.355.945	234.457.752

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2017	1.474.698.608	1.277.868.182	5.817.626.131	8.570.192.921
Tăng khác			23.903.000	23.903.000
Tại ngày 31/12/2017	1.474.698.608	1.277.868.182	5.841.529.131	8.594.095.921
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2017	1.123.891.760	126.692.289	2.645.589.449	3.896.173.498
Khấu hao trong kỳ	123.892.368	116.893.944	377.752.821	618.539.136
Tại ngày 31/12/2017	1.247.784.128	243.586.233	3.023.342.273	4.514.712.634
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2017	350.806.848	1.151.175.893	3.172.036.682	4.674.019.423
Tại ngày 31/12/2017	226.914.480	1.034.281.949	2.818.186.858	4.079.383.287

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 2.361.280.350 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DƯỚI DẠNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Kèo đường dây điện nhà máy và về bãi rác núi voi phường Đồng Sơn	354.099.818	354.099.818
Nhà xưởng sửa chữa xe ô tô công ty	158.952.856	158.952.856
Vườn ươm Bắc Sơn	1.683.038.132	1.683.038.132
Đất mẫu + san gạt VUBS	175.587.000	175.587.000
Các công trình khác	155.272.660	155.272.660
Cộng	2.526.950.466	2.526.950.466

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Lê Thị Thủy			980.000.000	980.000.000
- Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Lâm Vũ	125.070.000	125.070.000	-	-
- Công ty cổ phần sửa chữa ô tô Đức Long	292.600.000	292.600.000	-	-
- Công ty TNHH Quế Sơn	146.960.000	146.960.000	-	-
- Công ty TNHH Tiến Nam	242.937.000	242.937.000	-	-
- Kiều Thị Thủy	815.036.533	815.036.533	-	-
- Phải trả cho các đối tượng khác	128.715.606	128.715.606	145.752.893	145.752.893
Cộng	1.751.319.139	1.751.319.139	1.125.752.893	1.125.752.893



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

	31/12/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/bù trừ trong năm	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	764.136.894	639.655.976	124.480.918
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.860.576	2.454.556	6.315.132	-
Cộng	3.860.576	766.591.450	645.971.108	124.480.918
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	886.933.097	2.129.802.457	1.475.854.033	232.984.673
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	146.692.133	161.909.257	15.217.124
Thuế Thu nhập cá nhân	23.193.516	12.322.500	-	10.871.016
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	25.430.000	25.430.000	-
Các loại thuế, phí phải nộp khác	-	53.295.262	53.295.262	-
Cộng	910.126.613	2.367.542.352	1.716.488.552	259.072.813

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG
VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BÌNH SƠN
Số 76 Nguyễn Văn Cừ, phường Ngọc Trạo
Thị xã Bình Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Mẫu số B.09 - ĐN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	13.676.305	13.676.305
Bảo hiểm xã hội	67.870.537	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.684.572	29.444.592
Phải thu khác (Dư Có)	1.573.929.025	18.000.000
Cộng	1.662.160.439	61.120.897

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**11. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH****a) Ngắn hạn**

	31/12/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn (*)	3.011.409.631	3.011.409.631	3.938.925.318	927.515.687	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	563.400.000	563.400.000	-	-	563.400.000	563.400.000
Tổng	3.574.809.631	3.574.809.631	3.938.925.318	927.515.687	563.400.000	563.400.000

b) Dài hạn

	31/12/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	1.824.750.000	1.824.750.000	-	563.400.000	2.388.150.000	2.388.150.000
Ngân hàng Nông Nghiệp và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn (**)	1.152.000.000	1.152.000.000	-	384.000.000	1.536.000.000	1.536.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa (***)	672.750.000	672.750.000	-	179.400.000	852.150.000	852.150.000
Cộng	1.824.750.000	1.824.750.000	-	563.400.000	2.388.150.000	2.388.150.000
Vay dài hạn đến hạn trả phân loại sang vay ngắn hạn	563.400.000	563.400.000			563.400.000	563.400.000
Cộng	1.261.350.000	1.261.350.000			1.824.750.000	1.824.750.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BÌNH SƠN

Mẫu số B 09 - DN

Số 76 Nguyễn Văn Cừ, phường Ngọc Trạo

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Thị xã Bình Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với bản cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

II. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(*) Vay ngắn hạn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bình Sơn theo hợp đồng vay số 3524-LAV-201701013 hạn mức vay: 41tỷ, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 8%/năm, mục đích bổ sung vốn kinh doanh.

(**) Hợp đồng tín dụng số 3524-LAV-2016-02019 ngày 31/10/2016, số tiền vay: 1.536.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất tại thời điểm vay 10%/năm, mục đích khoản vay là mua xe ô tô cuốn ép chở rác 12m3.

(***) Hợp đồng tín dụng số 407DN495/HDTD/VIB.2016 ngày 26/09/2016, số tiền vay: 897.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất thả nổi, mục đích khoản vay là mua xe ô tô.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2017	01/01/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	563.400.000	563.400.000
Từ hai đến năm thứ năm	1.261.350.000	1.824.750.000
Cộng	1.824.750.000	2.388.150.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	563.400.000	563.400.000
Số phải trả sau 12 tháng	1.261.350.000	1.824.750.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****II. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2017	7.205.000.000	275.000.000	37.102.390	647.742.625	605.993.626	8.770.838.641
Tăng vốn trong năm	-	-	-	55.000.000	-	55.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	614.298.303	614.298.303
Giảm khác (*)	-	-	-	-	(82.863.265)	(82.863.265)
Chia cổ tức (**)	-	-	-	-	(360.250.000)	(360.250.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (**)	-	-	-	-	(55.000.000)	(55.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	-	-	(190.743.626)	(190.743.626)
Số dư tại ngày 31/12/2017	7.205.000.000	275.000.000	37.102.390	702.742.625	531.435.038	8.751.280.053

(*) Giảm khác:

- Tiền truy thu thuế và nộp phạt: 82.863.265 đồng theo Quyết định số 2217/QĐ-CT ngày 07/07/2017 của Cục trưởng Cục thuế Thanh Hóa V/v: Xử phạt vi phạm hành chính về thuế.

(**) Trong năm Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2017 số 23/NQ-DHCDCT ngày 18/04/2017, trong đó:

- Chia cổ tức: 360.250.000 đồng.

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 55.000.000 đồng.

- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 190.743.626 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

II. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	720.500	720.500
+ Cổ phiếu thường	720.500	720.500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	720.500	720.500
+ Cổ phiếu thường	720.500	720.500
Mệnh giá cổ phiếu 10.000đồng/cổ phiếu		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.818.566.797	18.190.166.671
Cộng	24.818.566.797	18.190.166.671

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	21.830.038.650	16.428.814.255
Cộng	21.830.038.650	16.428.814.255

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi	3.170.476	12.467.533
Cộng	3.170.476	12.467.533

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	278.466.505	41.911.042
Cộng	278.466.505	41.911.042

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5. THU NHẬP KHÁC

Thu nhập khác

Cộng

168.686.818

168.686.818

6. CHI PHÍ KHÁC

Chi phí khác

Cộng

13.792.186

120.720.809

13.792.186

120.720.809

7. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Năm 2017

Năm 2016

VND

VND

Chi phí tiền lương nhân viên

315.269.280

119.525.000

Chi phí vật liệu quản lý

197.984.056

34.228.577

Chi phí khấu hao TSCĐ

91.561.000

51.754.881

Phí, lệ phí

52.964.759

80.197.338

Chi phí khác

1.330.469.218

794.109.853

Cộng

1.988.248.313

1.079.815.649

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Năm 2017

Năm 2016

VND

VND

Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN

711.191.619

700.059.267

Thu nhập tính thuế của hoạt động chịu thuế suất 20%

210.081.199

240.597.139

Thu nhập tính thuế của hoạt động chịu thuế suất 10%

501.110.420

459.462.128

Cộng; Chi phí không được trừ

36.792.186

Thu nhập tính thuế TNDN

747.983.805

700.059.267

Thu nhập tính thuế của hoạt động chịu thuế suất 20%

220.949.362

240.597.139

Thu nhập tính thuế của hoạt động chịu thuế suất 10%

527.034.443

459.462.128

Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

96.893.316

94.065.641

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

9. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận/lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	614.298.303	605.993.626
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính (*)	193.357.621	190.743.626
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	420.940.682	415.250.000
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	720.500	720.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	584	576

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính theo tỷ lệ trích quỹ khen thưởng năm 2016 là 31,5%.

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lương	482.971.259	565.849.768
Cộng	482.971.259	565.849.768

2. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính.

3. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty TNHH Tài chính Kế toán và Kiểm toán VN.

Số dư tại ngày 01/01/2017 của chỉ tiêu "Phải trả nội bộ ngắn hạn khác" và "Phải thu nội bộ ngắn hạn khác" được trình bày lại cho phù hợp với quy định của chế độ kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. SỐ LIỆU SO SÁNH (TIẾP THEO)

Nội dung	Số tiền VND
Trình bày lại chỉ tiêu phải trả nội bộ ngắn hạn sang phải thu nội bộ ngắn hạn	623.908.196

Việc phân loại này ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016 như sau:

Chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán	Ảnh hưởng của bút toán phân loại VND
Phải trả nội bộ ngắn hạn giảm	(623.908.196)
Phải thu nội bộ ngắn hạn tăng	623.908.196

Số liệu trên Bảng cân đối kế toán của các chỉ tiêu trên trước và sau phân loại

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.217.458.453	5.841.366.649
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.644.987.766	3.268.895.962
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	623.908.196
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		12.652.886.094	13.276.794.290

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.882.047.453	4.505.955.649
I. Nợ ngắn hạn	310		2.057.297.453	2.681.205.649
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		(623.908.196)	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		12.652.886.094	13.276.794.290

CHỨNG THỰC
BẢN SẠO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 02-01-2019

Số 196... Quyển



Tổng Thị Thủy
Người lập biểu
Ngày 31 tháng 03 năm 2018

Mai Thị Hồng
Kế toán trưởng

Trịnh Văn Tiến
Giám đốc



